

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 84/2026/HS-PT

Ngày: 28/5/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Bình

Các Thẩm phán: Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng

Ông Võ Thái Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Huỳnh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 79/2026/TLPT-HS ngày 10 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo Phan Văn N do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 35/2026/HS – ST ngày 06/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ.

- Bị cáo có kháng cáo:

Phan Văn N, sinh ngày 04/8/1984 tại Vĩnh Long. Nơi cư trú: ấp V, xã V, tỉnh Vĩnh Long. Giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: nhân viên kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12. Con ông Phan Văn T (sống) và bà Trần Thị Bích T1 (sống); có vợ là Tạ Thị Kim N1 (đã ly hôn), con có 01 người sinh năm 2010. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố C và có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Lê Ngọc A – Công ty L – T, Đoàn Luật sư thành phố C. Có mặt.

Trong vụ án, còn có bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Văn N làm việc tại Công ty Cổ phần P1 - Chi nhánh C, địa chỉ số I, khu V, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ (nay là phường C, thành phố Cần Thơ) theo hợp đồng lao động số 02/KD/HĐLĐ-TTVCT ngày 01/01/2020, nhiệm vụ được giao là phụ trách công việc nhân viên kinh doanh, quản lý, chăm sóc khách hàng, xây dựng hệ thống phân phối, thu hồi công nợ khu vực được phân công là tỉnh Hậu Giang, tỉnh Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau (nay là thành phố Cần Thơ và tỉnh Cà Mau). Quá trình thực hiện công việc, từ ngày 01/08/2024 đến ngày 07/10/2024, N đã lợi dụng nhiệm vụ được giao, sau khi thu được tiền của 19 cửa hàng ở khu vực phụ trách nhưng không lập phiếu thu hay ký sổ sách rồi gian dối báo về bộ phận kế toán công nợ của Công ty là chưa thu được tiền khách hàng để chiếm đoạt.

Đến ngày 07/10/2024 Công ty Cổ phần P1 - Chi nhánh C phát hiện sự việc nên đã tiến hành đối chiếu với 19 cửa hàng cụ thể: tại tỉnh Hậu Giang (cũ) gồm 08 cửa hàng; tại tỉnh Bạc Liêu (cũ) gồm 07 cửa hàng, tại tỉnh Cà Mau (cũ) gồm 04 cửa hàng. Tất cả 19 cửa hàng đã ký xác nhận qua bảng kê chi tiết công nợ phải thu theo mặt hàng và biên bản xác nhận công nợ đã thanh toán tiền cho N với tổng số tiền là 279.073.000 đồng. Sau đó, Công ty Cổ phần P1 - Chi nhánh C đã tiến hành làm việc và N thừa nhận đã thu đủ tiền của 19 cửa hàng với tổng số tiền **279.073.000 đồng** nhưng không nộp về Công ty mà chiếm đoạt sử dụng mục đích cá nhân nên bà Phan Thị Diễm M là kế toán công nợ của Công ty đã lập 19 chứng từ công nợ nêu trên để N đã ký xác nhận.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, ông Lê Văn H là giám đốc Công ty P1 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận C, thành phố Cần Thơ (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C) để trình báo giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra, xác định được như sau:

- Tại tỉnh Hậu Giang (nay là thành phố Cần Thơ) 09 cửa hàng (do mượn code nên phía trên thống kê là 08 cửa hàng), trong đó 07 cửa hàng đều thanh toán bằng tiền mặt và đưa trực tiếp cho N, tuy nhiên không yêu cầu N lập phiếu thu hay ký nhận sổ sách, gồm: Cửa hàng T5, địa chỉ: ấp A, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang (nay là: ấp A, xã T, thành phố Cần Thơ) xác nhận đã thanh toán số tiền 17.007.000 đồng; Cửa hàng V1, địa chỉ: số A ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Hậu Giang (nay là số 118 ấp C, xã T, thành phố Cần Thơ) xác nhận đã thanh toán số tiền 16.128.000 đồng; Cửa hàng vật liệu xây dựng B, địa chỉ: ấp M, thị trấn C, huyện P, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp M, xã T, thành phố Cần Thơ) xác nhận đã thanh toán số tiền 2.032.000 đồng; Cửa hàng V2, địa chỉ: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ) xác nhận đã thanh toán số tiền 7.903.000 đồng; Cửa hàng vật liệu xây dựng T, địa chỉ: ấp P, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp P, xã T, thành phố Cần Thơ) xác nhận đã thanh toán số tiền 2.706.000 đồng. Cửa hàng V3, địa chỉ: ấp C, thị trấn B,

huyện C, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp C, xã T, thành phố Cần Thơ), đại diện cửa hàng là ông Nguyễn Văn P xác nhận đã thanh toán chuyển khoản số tiền 10.000.000 đồng qua tài khoản số 0932854713 tài khoản tên T6 do Phan Văn N yêu cầu và đưa tiền mặt (không ký nhận sổ sách hay lập phiếu thu) cho N số tiền 11.289.000 đồng. Tổng số tiền mà ông P thanh toán cho N là 21.289.000 đồng. Cửa hàng vật liệu xây dựng - trang trí nội thất Diễm T2, địa chỉ: ấp L, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là khu vực L, phường L, thành phố Cần Thơ) đại diện cửa hàng là bà Trần Thị Thùy T3 xác nhận do Cửa hàng Diễm T2 còn công nợ nên Công ty P1 không bán hàng nên đã nhờ Phan Văn N lấy code của cửa hàng T7 Tâm địa chỉ khu vực B, phường L, thành phố Cần Thơ bán cho cửa hàng D2. Qua làm việc, bà T3 xác nhận đã thanh toán tiền mặt cho Phan Văn N số tiền 7.869.000 đồng, khi đưa tiền thì cửa hàng không yêu cầu N lập phiếu thu hay ký nhận sổ sách. Riêng Cửa hàng T5 - thức ăn thủy sản T8, địa chỉ: ấp A, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang (nay là ấp A, xã V, thành phố Cần Thơ) đại diện cửa hàng là bà Danh Thị Bé N2 xác nhận đã thanh toán chuyển khoản cho Phan Văn N số tiền 7.181.000 đồng qua tài khoản số 0932854713 tên tài khoản T6 do Phan Văn N yêu cầu.

- Tại tỉnh Bạc Liêu (nay là tỉnh Cà Mau) 07 cửa hàng, trong đó 06 cửa hàng đều thanh toán bằng tiền mặt và đưa trực tiếp cho N, tuy nhiên không yêu cầu N lập phiếu thu hay ký nhận sổ sách, gồm: Cửa hàng T5, địa chỉ: tỉnh lộ 38, khóm H, phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là tỉnh lộ 38, khóm H, phường V, tỉnh Cà Mau) xác nhận đã thanh toán số tiền 55.131.000 đồng; Cửa hàng T5, địa chỉ: A T, phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là số A T, phường B, tỉnh Cà Mau) xác nhận đã thanh toán số tiền 2.540.000 đồng; Cửa hàng T5, địa chỉ: A Quốc lộ A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là số A Quốc lộ A, xã H, tỉnh Cà Mau) xác nhận đã thanh toán số tiền 17.073.000 đồng; Cửa hàng T5, địa chỉ: ấp K, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp K, xã H, tỉnh Cà Mau) xác nhận trong thời gian tháng 09/2024 đã thanh toán số tiền 5.328.000 đồng; Cửa hàng T5, địa chỉ: A ấp K, xã L, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là số A ấp K, xã X, tỉnh Cà Mau) xác nhận đã thanh toán số tiền 49.831.000 đồng; Cửa hàng T5, địa chỉ: ấp P, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp P, xã P, tỉnh Cà Mau) xác nhận vào ngày 01/10/2024 đã thanh toán số tiền 15.963.000 đồng. Riêng cửa hàng trang trí nội thất Anh K, địa chỉ: ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là ấp H, xã H, tỉnh Cà Mau) xác nhận vào ngày 30/9/2024 đã thanh toán số tiền 23.462.000 đồng, khi đưa tiền thì N có lập phiếu thu. Nên Cơ quan Điều tra đã lập biên bản thu giữ phiếu thu (hình ảnh phiếu thu được in từ điện thoại, bản photo).

- Tại tỉnh Cà Mau 04 cửa hàng, trong đó 03 cửa hàng thanh toán bằng tiền mặt và đưa trực tiếp cho N, tuy nhiên không yêu cầu N lập phiếu thu hay ký nhận sổ sách, gồm: Cửa hàng vật liệu xây dựng – trang trí nội thất K1, địa chỉ: G

đường A, khóm A, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là số G đường A, khóm A, phường L, tỉnh Cà Mau) xác nhận ngày 03/10/2024 đã thanh toán số tiền 7.000.000 đồng; Cửa hàng vật liệu xây dựng – trang trí nội thất H, địa chỉ: D H, khóm H, phường G, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là số D đường H, khóm H, phường H, tỉnh Cà Mau) xác nhận đã thanh toán số tiền 3.119.000 đồng; Cửa hàng T5, địa chỉ: ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (nay là khu vực Bà Đ, phường L, tỉnh Cà Mau) xác nhận đã thanh toán số tiền 8.064.000 đồng. Riêng Cửa hàng N3, địa chỉ: ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là ấp B, xã L, tỉnh Cà Mau) xác nhận ngày 03/10/2024 đã thanh toán số tiền 9.321.000 đồng Ngân có lập phiếu thu, nhưng hiện tại cửa hàng không còn lưu giữ.

Đối với Trần Trung V là chủ số tài khoản 0932854713 - TRAN TRUNG VY tại Ngân hàng TMCP Q – Phòng G, quá trình điều tra xác định: vào ngày 11/9/2024 có nhận được số tiền 10.000.000 đồng từ tài khoản số 7005205094935, tên tài khoản NGUYEN VAN PHUOC, Ngân hàng A1 và vào ngày 02/10/2024 nhận được số tiền 7.181.000 đồng từ tài khoản số 070034873087 tên tài khoản N4, Ngân hàng S. Đối với 02 số tài khoản này thì V không quen biết ai, ở đâu, do thời điểm này Phan Văn N có hỏi mượn số tài khoản của V để người khác chuyển tiền vào, N chỉ hỏi mượn và nói nếu có nhận được số tiền nào thì chuyển lại số tiền đó cho N và sau khi nhận được số tiền nói trên thì V đã thực hiện chuyển khoản ngay vào tài khoản ngân hàng của N qua số tài khoản 109867427804 Ngân hàng V4. Riêng đối với số tiền 7.181.000 đồng nhận được vào ngày 02/10/2024 thì V chuyển khoản vào tài khoản của N với số tiền 7.000.000 đồng, số tiền còn lại 181.000 đồng thì N trả lại cho V đã mượn trước đó. Vì vậy, đối với Trần Trung V chưa đủ cơ sở xử lý (BL 510-511).

Đối với những số tiền Phan Văn N chuyển đi qua số tài khoản khác để tiêu xài cá nhân trả nợ vay qua app điện thoại di động, cụ thể như sau:

- Ngày 11/9/2024 chuyển đi số tiền 4.000.000 đồng đến tài khoản số 105882206948 Ngân hàng V4 – Chi nhánh E thành phố Hồ Chí Minh do Hộ kinh doanh SHOP HÙNG DŨNG SG, địa chỉ: số A T, phường A, quận A (phường H), Thành phố Hồ Chí Minh do ông Nguyễn Tấn D là chủ tài khoản, sau đó ông D không quản lý, sử dụng số tài khoản này mà giao lại cho người phụ nữ tên T4 không rõ họ tên và địa chỉ quản lý sử dụng.

- Ngày 11/9/2024 chuyển đi số tiền 2.000.000 đồng đến tài khoản số 103882225563 Ngân hàng V4 – Chi nhánh N5 do Hộ kinh doanh cửa hàng PHI HÙNG SG, địa chỉ: số C T, phường B, quận B (nay là phường B), Thành phố Hồ Chí Minh do ông Trần Phi H1 là chủ tài khoản. Hiện ông H1 không còn sinh sống tại địa chỉ nêu trên và địa chỉ thường trú, không liên lạc và làm việc được.

- Ngày 02/10/2024 chuyển đi số tiền 3.000.000 đồng đến tài khoản số 106882682889 Ngân hàng V4 – Chi nhánh N5, P2 do Nguyễn Văn B, sinh ngày 14/04/2002, CCCD số 044202002980, địa chỉ: phường T, quận B (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh là chủ tài khoản, có địa chỉ thường trú tại: ấp S, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình hiện nay là ấp S, xã B, tỉnh Quảng Trị nên đã Ủy thác điều tra đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q xác minh nhưng chưa có kết quả.

- Ngày 02/10/2024 chuyển đi số tiền 4.000.000 đồng đến tài khoản số 109881898113 Ngân hàng V4 – Chi nhánh B1 do Nguyễn Thị D1, sinh ngày 12/02/1986, CCCD số 096186005189, ĐKTT: khóm D, xã Đ, tỉnh Cà Mau là chủ tài khoản. Hiện bà D1 không có mặt tại địa phương không tiến hành làm việc được.

Do đó, đối với Nguyễn Tấn D, Trần Phi H1, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thị D1, Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ và xử lý sau khi có đủ căn cứ.

Quá trình điều tra, Phan Văn N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên (BL 512-532).

Về trách nhiệm dân sự: Phan Văn N đã tự nguyện khắc phục bồi thường số tiền 279.073.000 đồng cho Công ty Cổ phần P1 - Chi nhánh C, phía bị hại đã nhận đủ số tiền trên (BL 617-618).

Tất cả các vật chứng và tài liệu Công ty Cổ phần P1 - Chi nhánh C cung cấp được lưu hồ sơ vụ án.

Tại bản án hình sự số 35/2026/HS-ST ngày 06/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Phan Văn N phạm tội “Tham ô tài sản”.

Căn cứ: điểm c, d khoản 2 Điều 353; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo Phan Văn N 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/3/2026.

Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan đến quản lý kinh doanh, tài chính trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ khi bị cáo chấp hành xong án phạt tù.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi tuyên án sơ thẩm, ngày 16/3/2026, bị cáo Phan Văn N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin được giảm án và không cung cấp thêm chứng cứ nào mới.

Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm: Luật sư thống nhất với tội danh và các điều luật cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo, nhưng có đề nghị xem xét cho bị cáo những tình tiết giảm nhẹ sau:

- Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại. Ngày 07/5/2026, bị hại có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo.

- Những tình tiết giảm nhẹ khác: Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, cha mẹ già, bản thân bị cáo đã ly hôn và phải cấp dưỡng nuôi con còn nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Đề nghị cấp phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xem xét khoan hồng cho bị cáo và xử lý bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa nhận định:

Về thủ tục: Bị cáo kháng cáo trong hạn luật định nên đề nghị xem xét ở cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phan Văn N về tội “tham ô tài sản” theo các điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ như bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, chưa có tiền án tiền sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên số tiền bị cáo chiếm đoạt là 279.073.000 đồng là số tiền lớn. Bị cáo phạm tội có hai tình tiết định khung theo quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự (chiếm đoạt tài sản trên 100.000.000 đồng và phạm tội nhiều lần). Cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không cung cấp được chứng cứ mới hoặc tình tiết giảm nhẹ nào cấp sơ thẩm chưa xem xét cho bị cáo. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên án sơ thẩm.

Nói lời sau cùng, bị cáo trình bày bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, bị cáo biết sai đối với bị hại, nhưng xin Hội đồng xét xử xem xét bị cáo cũng có nhiều cống hiến cho hoạt động của công ty, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, có cha mẹ già, con nhỏ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng và bản án sơ thẩm đã tuyên. Đối chiếu với tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở để kết luận:

Bị cáo Phan Văn N làm việc tại Công ty Cổ phần P1 - chi nhánh C theo hợp đồng lao động. Nhiệm vụ bị cáo được phân công là nhân viên kinh doanh, quản lý chăm sóc khách hàng, xây dựng hệ thống phân phối, thu hồi công nợ khu vực các tỉnh Hậu Giang, Bạc Liêu, Cà Mau (nay là thành phố Cần Thơ và tỉnh Cà Mau). Quá trình thực hiện công việc từ ngày 01/8/2024 đến ngày 07/10/2024, bị cáo đã lợi dụng công việc được giao, sau khi thu tiền của 19 cửa hàng ở khu vực phụ trách, bị cáo đã không nộp phiếu thu hay ký vào sổ sách rồi gian dối báo về bộ phận kế toán công nợ của công ty là chưa thu hồi được tiền của khách hàng để chiếm đoạt.

Vụ việc của bị cáo bị Công ty P1 phát hiện và tiến hành làm việc với bị cáo. Bị cáo đã thừa nhận với công ty là đã thu đủ số tiền 279.073.000 đồng của 19 cửa hàng nhưng không nộp về Công ty mà chiếm đoạt.

Ngày 28/11/2024, ông Lê Văn H là giám đốc công ty P1 đã trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận C (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố C) để giải quyết theo pháp luật.

Quá trình điều tra, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện khắc phục bồi thường thiệt hại cho Công ty Cổ phần P1 số tiền 279.073.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 35/2026/HS-ST ngày 06/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ đã áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 353, Điều 50, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phan Văn N 09 (chín) năm tù về tội “Tham ô tài sản”.

Bị hại thống nhất với bản án sơ thẩm nên không kháng cáo.

Ngày 16/3/2026, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cũng thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thống nhất với tội danh và các điều luật mà cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo. Bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm án cho bị cáo với những lý do sau: Người bị hại có xin giảm nhẹ cho bị cáo, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, phải nuôi cha mẹ già, con nhỏ.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Hành vi lợi dụng nhiệm vụ được phân công của Công ty P1 là giao cho bị cáo thu tiền các cửa hàng, nhưng bị cáo không lập phiếu thu, không ký sổ sách với cửa hàng rồi báo về bộ phận kế toán của công ty là chưa thu được tiền để chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân và trả nợ đã cấu thành tội “Tham ô tài sản”. Bản thân bị cáo thực hiện việc này nhiều lần, chiếm đoạt số tiền trên 200.000.000 đồng đã phạm vào các điểm c, d

khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại, bản thân bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Với nhiều tình tiết giảm nhẹ nêu trên, mức án 09 năm tù mà cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm án, luật sư bào chữa cho bị cáo cũng đề nghị xem xét thêm cho bị cáo những tình tiết giảm nhẹ khác như người bị hại cũng có đơn xin giảm án cho bị cáo, bị cáo có cha mẹ già, bị cáo còn có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, luật sư có đề nghị xem xét cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức khởi điểm của khung hình phạt. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo do số tiền bị cáo chiếm đoạt có giá trị lớn, bị cáo phạm tội nhiều lần. Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo và quan điểm của luật sư là có căn cứ. Mức án 09 năm tù cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là nặng so với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và những tình tiết giảm nhẹ của bị cáo. Từ đó cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

[4] Những phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Văn N. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 35/2026/HS-ST ngày 06/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cần Thơ về trách nhiệm hình sự và điều chỉnh bổ sung điều luật áp dụng.

2. Tuyên bố: Bị cáo Phan Văn N phạm tội “Tham ô tài sản”.

3. Căn cứ: điểm c, d khoản 2, khoản 5 và khoản 6 Điều 353; Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phan Văn N 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/3/2026.

Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ liên quan đến quản lý kinh doanh, tài chính trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ khi bị cáo chấp hành xong án phạt tù.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo không phải chịu.

5. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1-TANDTC;
- VKSND TP. Cần Thơ;
- TAND KV3 – Cần Thơ;
- VKSND KV3 – Cần Thơ;
- Phòng THADS KV3 – TP. Cần Thơ;
- CQ CSĐT Công an TP. Cần Thơ;
- Phòng HSNV Công an TP. Cần Thơ;
- CQ THAHS Công an TP. Cần Thơ;
- Bị cáo; Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Bình